

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04-8-2021

Về tranh chấp ly hôn, con chung, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cà Văn Thanh.

2. Bà Lò Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2021 (lần 4) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 5, phường Tô H, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 13, phường Quyết T, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Văn H2, sinh năm 1958. Địa chỉ: Phiêng T, xã Hát L, huyện Mai S, tỉnh Sơn La.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh H1 chị T đăng ký kết hôn ngày 24/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Tô H, thành phố S, tỉnh Sơn La do tự nguyện, không ai ép buộc. Trước khi kết hôn với nhau cả hai đều đã trải qua một cuộc hôn nhân và có con riêng. Quá trình chung sống hoà thuận, hạnh phúc một

thời gian đến năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh H1 thừa nhận trước đây có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân tuy nhiên đã chấm dứt. Giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã từ những vấn đề rất nhỏ do chị T thiếu sự tin tưởng, ghen tuông, kiểm soát chồng, anh H1 thấy mệt mỏi, áp lực, việc chung sống không có hạnh phúc. Anh H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn và có nguyện vọng được ly hôn với chị Trần Thị Huyền T.

Về con chung: có hai con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2015 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018. Anh H1 đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con lớn Nguyễn Văn V, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ Nguyễn Văn Q. Anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Vinh cùng chị T mỗi tháng 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Đồ dùng sinh hoạt hàng ngày nhất trí để lại cho chị T sử dụng, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng nợ ông Triệu Văn H2 30.000.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh H1 đề nghị có trách nhiệm trả nợ cho ông H2 vào ngày 27/8/2021.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T nhất trí lời khai của anh H1 về điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống hai vợ chồng thỉnh thoảng cũng có tranh luận về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nhưng chưa đến mức phải ly hôn, từ khi anh H1 nộp đơn ly hôn hai vợ chồng vẫn cùng chung sống và nuôi dạy các con. Nguyên nhân anh H1 yêu cầu ly hôn với chị T là do trước đây anh H1 có quan hệ có tình cảm với người phụ nữ khác tuy nhiên chị T sẵn sàng tha thứ và hứa sửa đổi tính cách. Chị T không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với anh H1 và các con còn nhỏ, cần có sự quan tâm chăm sóc của cả bố và mẹ. Chị T có nguyện vọng đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Có hai con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2015 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018. Nếu ly hôn chị T nhất trí mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vinh. Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quang. Nhất trí việc anh H1 tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho cháu Quang.

Về tài sản chung: Nhất trí tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác nhận hai vợ chồng còn nợ ông Triệu Văn H2 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng). Nếu ly hôn chị T nhất trí anh H1 có trách nhiệm trả nợ cho ông H2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn H2 trình bày:
Ngày 30/6/2014 chị T có vay của ông 60.000.000,đ (sáu mươi triệu đồng), ngày 13/02/2015 chị T đã trả cho ông 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng). Số nợ còn lại anh H1 và chị T viết giấy hẹn đến ngày 20/12/2018 sẽ thanh toán. Tuy nhiên ông H2 đã đến đòi nợ nhiều lần nhưng anh H1 và chị T chưa thanh toán nợ cho ông. Trường hợp anh H1 chị T ly hôn, ông H2 nhất trí thoả thuận việc anh H1 có trách nhiệm trả nợ cho ông, nhất trí về thời hạn trả nợ và đề nghị toà án ghi nhận.

Tại phiên tòa, anh H1 giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T, về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, nợ chung; chị T không nhất trí ly hôn với anh H1 và có nguyện vọng đoàn tụ gia đình, trường hợp nếu ly hôn thì chị T nhất trí về trách nhiệm với con chung, nợ chung như anh H1 đề nghị; ông H2 nhất trí về trách nhiệm thanh toán nợ và thời hạn thanh toán nợ và đề nghị toà án ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ H1.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Vũ H1 được ly hôn chị Trần Thị Huyền T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2015 cho anh Nguyễn Vũ H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chấp nhận việc anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018 cùng chị T mỗi tháng 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Chấp nhận anh H1 chị T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chấp nhận việc tự thoả thuận của anh H1, chị T, ông H2 cụ thể: anh Nguyễn Vũ H1 có trách nhiệm trả nợ 30.000.000 đồng cho ông Triệu Văn H2 vào ngày 27/8/2021.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Vũ H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện vụ án ly hôn và giải quyết về con chung, nợ chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh H1, chị T kết hôn với nhau năm 2014 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do quan điểm tính cách không hợp nhau, giữa hai vợ chồng không có sự tin tưởng, thường xuyên xảy ra cãi vã. Về phía chị T xác định tình cảm vẫn còn yêu thương anh H1 và không nhất trí ly hôn, những hành động, lời nói của chị xuất phát từ sự quan tâm yêu thương chồng con, chị hứa sẽ thay đổi tính cách. Chị T có nguyện vọng đoàn tụ gia đình nhưng không có hướng và biện pháp khắc phục mâu thuẫn, tạo lòng tin cho anh H1. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải nhiều lần phân tích và tạo điều kiện về thời gian để hai anh chị cân nhắc kỹ thay đổi cách xử sự để đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán PH2, Hội đồng xét xử đã phân tích, khuyên giải anh H1 về hậu quả của việc ly hôn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến con cái, hướng cho chị T khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên anh H1 vẫn kiên quyết được ly hôn với chị T vì không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T luôn tạo cho anh áp lực lớn và đã kéo dài nhiều năm. Đến nay anh H1 không còn khả năng chịu đựng thêm nữa nên mong muốn được giải quyết ly hôn

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh H1 chị T là có thật và đã kéo dài nhiều năm. Chị T luôn mong muốn được đoàn tụ nhưng bản thân chị trong cách cư xử với chồng thiếu sự khéo léo, nhẹ nhàng hay nóng nảy. Anh H1 cũng không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình, không tạo được sự tin tưởng với chị T. Anh thừa nhận có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác thể hiện sự không chung thủy trong hôn nhân và đó chính là nguyên nhân dẫn đến việc mâu thuẫn của hai anh chị kéo dài và trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh H1 là xin được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa anh Nguyễn Vũ H1, chị Trần Thị Huyền T thống nhất, thoả thuận mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục một con chung. Cụ thể: anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018 cùng

chị T mỗi tH2g 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Việc thống nhất, thoả thuận về trách nhiệm đối với con chung của hai anh chị phù hợp với điều kiện, mức thu nhập của cả hai và có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Vũ H1 và chị Trần Thị Huyền T tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa anh Nguyễn Vũ H1, chị Trần Thị Huyền T và ông Triệu Văn H2 tự nguyện thống nhất, thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận cụ thể:

Anh Nguyễn Vũ H1 có trách nhiệm trả nợ cho ông Triệu Văn H2 số tiền 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán ngày 27/8/2021. Việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Vũ H1 phải chịu 300.000,đ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Vũ H1 được ly hôn chị Trần Thị Huyền T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 16/3/2015 cho anh Nguyễn Vũ H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động;

Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018 cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động;

Chấp nhận việc anh Nguyễn Vũ H1 tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 31/5/2018 cùng chị T 1.500.000,đ/tH2g (một triệu năm trăm nghìn đồng/tH2g). Thời gian cấp dưỡng từ tH2g 8/2021 cho đến khi cháu Quang đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Vũ H1 và chị Trần Thị Huyền T tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Vũ H1, chị Trần Thị Huyền T và ông Triệu Văn H2 tự nguyện thống nhất, thỏa thuận cụ thể: Anh Nguyễn Vũ H1 có trách nhiệm trả cho ông Triệu Văn H2 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn trả ngày 27/8/2021.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Vũ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00001557 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án thành phố S, tỉnh Sơn La. Anh Nguyễn Vũ H1 còn phải nộp số tiền 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền khiếu nại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 04/8/2021.

“Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố S (2);
- CCTHADS thành phố S;
- UBND phường Tô H, thành phố S, tỉnh Sơn La (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH2 – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hà

